

Bản án số: 172/2017/DS-PT
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Ông Đoàn Hoài Trí

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2012).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2013).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã C; địa chỉ: Khu phố D, phường E, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã C: Ông Võ Hồng T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/10/2014).

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1949;

5. Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N và ông Huỳnh Minh N: Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2012);

6. Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

7. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

8. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

9. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

10. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

11. Bà Hồ Thị R, sinh năm 1951, địa chỉ: khu phố G, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị R: Bà Hồ Ngọc X, sinh năm 1958, địa chỉ: khu phố G, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2017).

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và đại diện ủy quyền bà Huỳnh Thị Thanh H thống nhất trình bày:

Gia đình bà Đ sử dụng hợp pháp diện tích đất 1.195m² thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Do vị trí thửa đất của gia đình bà và một số hộ dân như hộ bà Phạm Thị P, bà

Nguyễn Thị G, ông Tống Văn N, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim C đều nằm phía trong thửa đất số 44 của ông Đỗ Văn N nên từ trước năm 1975 đến nay, gia đình bà và các hộ dân phía trong đều sử dụng lối đi chung có chiều ngang 2,5m, chiều dài khoảng 30m dọc theo đất của ông Đỗ Văn N ra đến đường công cộng.

Nguồn gốc thửa đất ông Đỗ Văn N đang sử dụng là do bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng cho bà Phạm Thị N (mẹ ông Đỗ Văn N) từ năm 1992, trong giấy mua bán hai bên không có ghi diện tích đất cụ thể bao nhiêu và cũng không đề cập về lối đi nhưng hai bên có thỏa thuận miệng nếu gia đình bà Phạm Thị N xây nhà hay hàng rào thì phải xây bằng với hàng rào ranh đất của gia đình bà Nguyễn Thị Đ và giữ nguyên hiện trạng con đường chiều ngang 2,5m chiều ngang để cho gia đình bà Đ và các hộ dân phía trong đi ra đường công cộng. Tuy nhiên, ngày 17/7/2012, ông Đỗ Văn N đóng nhiều trụ xi măng dọc theo chiều dài lối đi và chuẩn bị rào lưới B40 lấn chiếm lối đi chung (cụ thể: Chiều ngang một đầu 0,6 mét, một đầu 01 mét). Nguyên đơn cho rằng việc ông Đỗ Văn N chôn trụ xi măng làm hàng rào là lấn chiếm lối đi chung và ảnh hưởng đến quyền đi lại của hộ gia đình nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định ông Đỗ Văn N đã lấn chiếm lối đi, yêu cầu tòa án buộc bị đơn ông Đỗ Văn N phải trả lại diện tích đất 27,4 m² (có vị trí đo đạc theo bản vẽ ngày 14/9/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C) để làm lối đi chung

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn N và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền trình bày:

Năm 1992, mẹ ông Đỗ Văn N là bà Phạm Thị N nhận chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Thị Đ (là nguyên đơn) thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 34 tại khu phố khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Ngày 20/8/2003, UBND huyện C (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01934 QSDĐ/TU cho hộ bà Phạm Thị N với diện tích 214m² đến tháng 4/2012, bà Phạm Thị N làm thủ tục tặng cho ông Đỗ Văn N toàn bộ diện tích trên. Ngày 21/6/2012, ông Đỗ Văn N được UBND huyện C (nay là thị xã C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 8/2012, ông Đỗ Văn N tiến hành xây hàng rào thì bà Nguyễn Thị Đ ngăn cản, phát sinh tranh chấp, lúc này có ông trưởng khu phố là ông Phạm Văn B đến đo đạc nhưng ông Đỗ Văn N không đồng ý với kết quả đo đó. Do vậy, ông Đỗ Văn N đã mời cán bộ địa chính huyện C đến đo lại thửa đất, lúc này có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Đ và ông Phạm Văn B. Sau đó, ông Phạm Văn B bảo ông Đỗ Văn N cắm mốc bằng trụ xi măng và đổ bê tông chân trụ theo vị trí đo đạc, lúc đó bà Nguyễn Thị Đ cũng không phản đối. Ba ngày sau, ông Đỗ Văn N đang chuẩn bị xây tường rào theo mốc đã cắm thì ông Phạm Văn B đến nhà không cho rào với lý do bà Nguyễn Thị Đ gửi đơn tranh chấp.

Ông Đỗ Văn N thừa nhận phần giáp đất của ông Đỗ Văn N có lỗi đi như nguyên đơn trình bày nhưng còn chiều ngang của lỗi đi rộng bao nhiêu thì ông không rõ, hiện tại lỗi đi này chỉ có gia đình bà Phạm Thị P đi, ông Đỗ Văn N khẳng định không có lần lỗi đi này nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Phạm Thị P, bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Thanh H thống nhất lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị N thống nhất lời trình bày của bị đơn

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị R do người đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị X trình bày: Bà Hồ Thị R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 802, diện tích 1.127,3 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04560 ngày 25/11/2014. Phần đất của bà có giáp với đất của ông Đỗ Văn N, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện lỗi đi nhưng thực tế giữa ranh đất có lỗi đi chiều ngang khoảng 2,5 m tồn tại từ lâu. Hiện nay bà R vẫn giữ nguyên hiện trạng và không lấn lỗi đi, việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn bà R không có ý kiến gì.

* Ủy ban nhân dân thị xã C xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01934 ngày 20/8/2003 phải thực hiện theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính tuy nhiên trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại thực hiện theo Thông tư 436/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phù hợp với quy định của pháp luật và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các cạnh khu đất không giáp đường. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N theo hợp đồng tặng cho giữa các thành viên hộ gia đình bà Phạm Thị N và ông Đỗ Văn N được thực hiện theo Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N không qua đo đạc thực tế, chỉ trích lục từ bản đồ địa chính.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã C, đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp lỗi đi chung với bị đơn ông Đỗ Văn N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá, đo đạc và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2017, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn có đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm có những sai sót: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp lỗi đi từ năm 2012, vụ án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông Hồ Văn T, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông Hồ Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Ngày 11/01/2013 ông T chết, như vậy Tòa án cần đưa toàn bộ những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông T vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa một mình bà Hồ Thị R vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền, nghĩa vụ hợp pháp của của các đương sự.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chưa đảm bảo giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Hồng T đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã C, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị P, bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Văn L vắng mặt phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, họ đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Những sai sót về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hồ Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì có phần đất tiếp giáp với lỗi đi tranh chấp. Ngày 11/01/2013 ông Hồ Văn T chết (BL 178), ngày 07/11/2014, Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Hồ Văn T (BL 162). Ngày 26/9/2014 các thừa kế của ông Hồ Văn T thỏa thuận phân chia phần đất của ông Hồ Văn T tiếp giáp với lỗi đi tranh chấp (theo sơ đồ tại BL 188, 210) thành 12 thửa đất cho các cá nhân có tên cụ thể theo Công văn số 248 ngày 16/5/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thị xã C (BL 148) là: Bà Hồ Thị R; bà Hồ Ngọc X; bà Hồ Thị Đ; bà Hồ Thị T; ông Hồ Ngọc L; ông Hồ Trung H, bà Hồ Kim H; bà Hồ Ngọc B; ông Hồ Minh T; bà Nguyễn Thị Kim L (2 thửa đất), ông Chu Văn T.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2017 của TAND tỉnh Bình Dương và tại phiên tòa phúc thẩm bà Hồ Ngọc X đại diện cho bà R xác định: Gia đình bà Hồ Thị R, bà Hồ Ngọc X; Bà Hồ Thị Đ; bà Hồ Thị T cũng có sử dụng lối đi tranh chấp và gia đình chị em bà chỉ đồng ý để lại 0,5m làm lối đi với điều kiện ông Đỗ Văn N phải trả lại lối đi cho thông thoáng, nếu ông Đỗ Văn N không trả lại lối đi thì gia đình chị em bà cũng không đồng ý. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa bà R người được chia thừa đất số 802 diện tích 1.127,3m² tiếp giáp với lối đi tranh chấp vào tham gia tố tụng mà không đưa những người thừa kế quyền, nghĩa vụ còn lại của ông Hồ Văn T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi xem họ có sử dụng lối đi tranh chấp hay không, ý kiến của họ về việc giải quyết vụ án như thế nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia phiên tòa và có ý kiến nhưng bản án cho rằng bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt và không có ý kiến là mâu thuẫn nhau.

Ông Võ Hồng T là người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C ủy quyền đại diện tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại đơn xin vắng mặt ngày 15/10/2014, ông T chỉ xin vắng mặt tham gia hòa giải lúc 08 giờ 30 phút ngày 15/10/2014 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục tiến hành các thủ tục tố tụng khác và xét xử vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân thị xã C là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn cho rằng lối đi tranh chấp trước khi bị đơn ông Đỗ Văn N lấn ra có chiều rộng khoảng 2,5m (đường xe bò). Khi ông Đỗ Văn N lấn đường nguyên đơn khởi kiện năm 2012 do lối đi hẹp nên bà con đi lấn sang phần đất trống của ông Hồ Văn T (nay là bà R con ông Hồ Văn T BL 240). Tuy nhiên sơ đồ đo vẽ (BL 208) không yêu cầu các đương sự xác định và không thể hiện được vị trí lối đi trước đây như thế nào, chiều ngang lối đi hiện nay còn bao nhiêu? Đi lên phần đất của bà R bao nhiêu? Tại bản tự khai ngày 21/3/2017 đại diện bà R đồng ý chừa đường như hiện trạng (BL 249), nhưng tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 24/8/2017 của TAND tỉnh Bình Dương đại diện bà R chỉ đồng ý chừa 0,5m ngang từ mốc giới đất của bà R vào làm đường, bản vẽ chưa thể hiện mốc giới lối đi với đất của bà R cụ thể như thế nào?.

Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ khi bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng đất cho bà Phạm Thị N (mẹ của bị đơn ông Đỗ Văn N, sau này tặng cho phần đất này cho ông Đỗ Văn N) (BL 69) thì hai bên có thoả thuận chừa lối đi như thế nào (Biên bản hòa giải tại bút lục 121 trang 2 nguyên đơn cho rằng khi bán đất có sự thoả thuận chừa lối đi)?.. Khi bà Phạm Thị N làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đo đạc thực tế hay đo bằng không ảnh, có ký liên ranh không...(BL 114 công văn của UBND thị xã C không thể hiện; BL 134 đơn tường trình của ông Th cán bộ địa chính xã từ 1995 – 2004 cho rằng khi cấp sổ cho bà Phạm Thị N là bản đồ không ảnh, không ký liên ranh; BL 144 tại

đơn xin xác nhận việc đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N thì ông Ch phó trưởng khu phố xác nhận có đo đạc). Các đương sự đều thống nhất giữa đất ông Đỗ Văn N và đất ông Hồ Văn T trên thực tế có con đường, điều này cũng được UBND phường B xác nhận. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn T (sau này là các con ông Hồ Văn T) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N lại không thể hiện ở giữa có lối đi chung ở giữa hai thửa đất. Ủy ban nhân dân thị xã C xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01934 ngày 20/8/2003 phải thực hiện theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính tuy nhiên trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại thực hiện theo Thông tư 436/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phù hợp với quy định của pháp luật và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các cạnh khu đất không giáp đường. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N theo hợp đồng tặng cho giữa các thành viên hộ gia đình bà Phạm Thị N và ông Đỗ Văn N được thực hiện theo Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Niệm không qua đo đạc thực tế, chỉ trích lục từ bản đồ địa chính.

Mặc dù chưa làm rõ việc thỏa thuận chừa lối đi khi bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng đất cho bà Phạm Thị N, chưa làm rõ những nội dung trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đỗ Văn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nhà nước bảo hộ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa vững chắc.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bỏ sót người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ không đầy đủ là có căn cứ.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo, hủy án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Hủy Bản án sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 24/5/2017 của Toà án nhân dân thị xã C và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013470 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- CCTHADS thị xã C;
- TAND thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng

